

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **759** /UBND-NNTN  
V/v xin ý kiến thống nhất  
việc phân khai kế hoạch  
vốn trái phiếu Chính phủ  
và vốn ngân sách tỉnh  
thực hiện Chương trình  
MTQG xây dựng nông  
thôn mới năm 2015

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 02 năm 2014

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

**CV  
ĐẾN** Số:.....**1169**.....  
Ngày: **24/1/2015**  
Chuyên:.....

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Để có cơ sở phân khai vốn trái phiếu Chính phủ và vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2015, UBND tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến thống nhất việc phân bổ vốn (trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2015 do Trung ương hỗ trợ tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 89/QĐ-BKHĐT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là **105 tỷ đồng**; vốn ngân sách tỉnh năm 2015 tại Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 là **20 tỷ đồng**), làm cơ sở để UBND tỉnh quyết định phân bổ, cụ thể như sau:

**I. Đối với vốn trái phiếu Chính phủ:**

1. Phân nhóm xã theo đối tượng ưu tiên: Toàn tỉnh có 164 xã, thị trấn thực hiện xây dựng nông thôn mới, được chia thành 3 nhóm sau:

- Nhóm xã ưu tiên 1 (hệ số 2), gồm 86 xã (xã 30a, 135, an toàn khu, bãi ngang ven biển);

- Nhóm xã ưu tiên 2 (hệ số 1,6), gồm 10 xã (Nghĩa Lâm, Nghĩa Hòa, Đức Tân, Đức Nhuận, Hành Minh, Hành Thịnh, Tịnh Trà, Tịnh Châu, Tịnh Khê, Bình Thới) phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 và 15 xã (Bình Trung, Tịnh Giang, Tịnh Bắc, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Kỳ, Phổ Ninh, Phổ Hòa, Đức Thạnh, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Trung, Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Thiện) phấn đấu đạt 15-18 tiêu chí vào năm 2015;

- Nhóm xã không ưu tiên (hệ số 1), gồm 53 xã; trong đó, có xã Bình Dương đã đạt 19 tiêu chí vào năm 2014.

**2. Dự kiến phân bổ vốn:**

- Nhóm xã ưu tiên 1: 792,44 triệu đồng/xã x 86 xã = 68.150 tr đồng;

- Nhóm xã ưu tiên 2: 634 triệu đồng/xã x 25 xã = 15.850 tr đồng;

- Nhóm xã không ưu tiên: 396 triệu đồng/xã x 53 xã = 21.000 tr đồng;

Tổng cộng = 105 tỷ đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo)*

Việc phân bổ vốn nêu trên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 89/QĐ-BKHĐT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## II. Đối với vốn ngân sách tỉnh:

1. Bố trí các công trình nguồn vốn NS tỉnh chuyển tiếp từ năm 2014 và công trình đã phê duyệt quyết toán thuộc các xã không được tiếp tục bố trí vốn năm 2015 là: 880 triệu đồng.

2. Bố trí cho xã Bình Dương là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2014 là 1.000 triệu đồng để tiếp tục đầu tư hoàn thiện các tiêu chí.

3. Còn lại 18.120 triệu đồng phân bổ cho 10 xã dự kiến đạt 19 tiêu chí trong năm 2015, gồm: Tịnh Châu, Bình Thới, Tịnh Trà, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hòa, Hành Minh, Hành Thịnh, Đức Tân, Đức Nhuận, Phổ Vinh.

**(Bình quân mỗi xã 1.812 triệu đồng)**

*(Chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo)*

UBND tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, làm cơ sở để UBND tỉnh quyết định phân bổ và tổ chức triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở : Kế hoạch và ĐT, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TNndt49.



**CHỦ TỊCH**

**Lê Viết Chữ**

**Phu lục 1**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2015**  
**CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
**Trái phiếu Chính phủ**

(Kèm theo Công văn số 72/UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Hệ số ưu tiên	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đồng)	Đối tượng ưu tiên
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>265</b>	<b>105.000</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Quảng Ngãi</b>			<b>6.023</b>	
1	Tịnh Kỳ	4	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
2	Tịnh Hòa	3	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
3	Tịnh Châu	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
4	Tịnh Khê	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
5	Tịnh Thiện	4	1	397	
6	Tịnh Ấn Tây	10	1	397	
7	Tịnh Ấn Đông	5	1	396	
8	Tịnh An	7	1	396	
9	Tịnh Long	7	1	396	
10	Nghĩa Hà	2	1	396	
11	Nghĩa Phú	9	1	396	
12	Nghĩa An	5	1	396	
<b>II</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>			<b>12.362</b>	
1	Bình Hải	5	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
2	Bình Châu	7	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
3	Bình Trị	12	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
4	Bình Thạnh	5	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
5	Bình Đông	5	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
6	Bình Chánh	7	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
7	Bình Thới	15	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
8	Bình Trung	14	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
9	Bình Dương	19	1	397	Xã đạt 19 tiêu chí vào 2014
10	Bình Chương	6	1	397	
11	Bình Thanh Đông	7	1	397	
12	Bình Thanh Tây	6	1	396	
13	Bình An	2	1	396	
14	Bình Hiệp	5	1	396	
15	Bình Hòa	5	1	396	
16	Bình Khương	6	1	396	

TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Hệ số ưu tiên	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đồng)	Đối tượng ưu tiên
17	Bình Long	8	1	396	
18	Bình Minh	7	1	396	
19	Bình Mỹ	7	1	396	
20	Bình Nguyên	10	1	396	
21	Bình Phú	5	1	396	
22	Bình Phước	7	1	396	
23	Bình Tân	8	1	396	
24	Bình Thuận	8	1	396	
<b>III</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>			<b>5.072</b>	
1	Tịnh Trà	14	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
2	Tịnh Giang	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
3	Tịnh Bắc	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
4	Tịnh Đông	7	1	397	
5	Tịnh Minh	7	1	397	
6	Tịnh Hiệp	6	1	396	
7	Tịnh Bình	8	1	396	
8	Tịnh Thọ	8	1	396	
9	Tịnh Phong	6	1	396	
10	Tịnh Hà	9	1	396	
11	Tịnh Sơn	8	1	396	
<b>IV</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>			<b>6.736</b>	
1	Nghĩa Thọ	6	2	792	xã ĐBK 135
2	Nghĩa Hòa	14	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
3	Nghĩa Lâm	15	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
4	Nghĩa Thương	15	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
7	Nghĩa Kỳ	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
10	Nghĩa Phương	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
5	Nghĩa Sơn	8	1	397	
6	Nghĩa Thắng	6	1	397	
8	Nghĩa Thuận	9	1	396	
9	Nghĩa Trung	8	1	396	
11	Nghĩa Hiệp	10	1	396	
12	Nghĩa Mỹ	8	1	396	
13	Nghĩa Điền	9	1	396	
<b>V</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>			<b>6.260</b>	
1	Hành Minh	16	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
2	Hành Thịnh	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015

TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Hệ số ưu tiên	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đồng)	Đối tượng ưu tiên
3	Hành Nhân	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
4	Hành Thiện	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
5	Hành Trung	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
6	Hành Đức	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
7	Hành Dũng	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
8	Hành Thuận	14	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
9	Hành Phước	11	1	396	
10	Hành Tín Đông	11	1	396	
11	Hành Tín Tây	10	1	396	
<b>VI</b>	<b>Huyện Mộ Đức</b>			<b>7.449</b>	
1	Đức Minh	9	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
2	Đức Lợi	10	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
3	Đức Thắng	10	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
4	Đức Chánh	12	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
5	Đức Phong	12	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
6	Đức Tân	16	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
7	Đức Nhuận	15	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
8	Đức Thạnh	15	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
9	Đức Hòa	11	1	397	
10	Đức Lân	11	1	396	
11	Đức Hiệp	11	1	396	
12	Đức Phú	10	1	396	
<b>VII</b>	<b>Huyện Đức Phổ</b>			<b>8.004</b>	
1	Phổ An	10	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
2	Phổ Châu	10	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
3	Phổ Quang	8	2	792	Xã Bãi ngang ven biển
4	Phổ Thạnh	11	2	793	Xã Bãi ngang ven biển
5	Phổ Vinh	14	2	793	BNVB; phấn đấu đạt 19 TC vào 2015
6	Phổ Ninh	13	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
7	Phổ Hòa	12	1,6	634	Xã phấn đấu đạt 15-18 TC vào 2015
8	Phổ Minh	7	1	397	
9	Phổ Khánh	9	1	397	
10	Phổ Cường	9	1	396	
11	Phổ Nhơn	8	1	396	
12	Phổ Phong	8	1	396	
13	Phổ Thuận	10	1	396	
14	Phổ Văn	10	1	396	

TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Hệ số ưu tiên	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đồng)	Đối tượng ưu tiên
<b>VIII</b>	<b>Huyện Ba Tư</b>			<b>15.057</b>	
1	Ba Động	11	2	792	xã 30a, 135, ATK
2	Ba Chùa	8	2	792	xã 30a, 135, ATK
3	Ba Vinh	1	2	792	xã 30a, 135, ATK
4	Ba Giang	1	2	792	xã 30a, 135, ATK
5	Ba Thành	3	2	792	xã 30a, 135, ATK
6	Ba Khâm	2	2	792	xã 30a, 135
7	Ba Bích	2	2	792	xã 30a, 135
8	Ba Trang	0	2	792	xã 30a, 135
9	Ba Vì	2	2	792	xã 30a, 135
10	Ba Xa	1	2	792	xã 30a, 135
11	Ba Cung	5	2	793	xã 30a, 135
12	Ba Tô	4	2	793	xã 30a, 135
13	Ba Liên	2	2	793	xã 30a, 135
14	Ba Tiêu	3	2	793	xã 30a, 135
15	Ba Dinh	4	2	793	xã 30a, 135
16	Ba Ngạc	4	2	793	xã 30a, 135
17	Ba Điền	3	2	793	xã 30a, 135
18	Ba Nam	3	2	793	xã 30a, 135
19	Ba Lễ	2	2	793	xã 30a, 135
<b>IX</b>	<b>Huyện Minh Long</b>			<b>3.962</b>	
1	Long Hiệp	5	2	792	xã 30a, 135
2	Long Mai	3	2	792	xã 30a, 135
3	Long Sơn	10	2	792	xã 30a, 135
4	Thanh An	2	2	793	xã 30a, 135
5	Long Môn	1	2	793	xã 30a, 135
<b>X</b>	<b>Huyện Sơn Hà</b>			<b>10.302</b>	
1	Sơn Hạ		2	792	xã 30a, 135
2	Sơn Thành	5	2	792	xã 30a, 135
3	Sơn Nham	4	2	792	xã 30a, 135
4	Sơn Cao	3	2	792	xã 30a, 135
5	Sơn Linh	6	2	792	xã 30a, 135
6	Sơn Giang	4	2	792	xã 30a, 135
7	Sơn Hải	3	2	792	xã 30a, 135
8	Sơn Thủy	3	2	793	xã 30a, 135
9	Sơn Kỳ	6	2	793	xã 30a, 135
10	Sơn Ba	2	2	793	xã 30a, 135

TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Hệ số ưu tiên	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đồng)	Đối tượng ưu tiên
11	Sơn Thượng	2	2	793	xã 30a, 135
12	Sơn Bao	5	2	793	xã 30a, 135
13	Sơn Trung	4	2	793	xã 30a, 135
<b>XI</b>	<b>Huyện Sơn Tây</b>			<b>7.132</b>	
1	Sơn Dung	5	2	792	xã 30a, 135
2	Sơn Màu	3	2	792	xã 30a, 135
3	Sơn Lập	3	2	792	xã 30a, 135
4	Sơn Liên	3	2	792	xã 30a, 135
5	Sơn Tinh	6	2	792	xã 30a, 135
6	Sơn Long	3	2	793	xã 30a, 135
7	Sơn Mùa	6	2	793	xã 30a, 135
8	Sơn Bua	3	2	793	xã 30a, 135
9	Sơn Tân	4	2	793	xã 30a, 135
<b>XII</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>			<b>7.132</b>	
1	Trà Phú	4	2	792	xã 30a, 135
2	Trà Bình	5	2	792	xã 30a, 135
3	Trà Giang	2	2	792	xã 30a, 135
4	Trà Tân	3	2	792	xã 30a, 135
5	Trà Bùi	1	2	792	xã 30a, 135
6	Trà Sơn	2	2	793	xã 30a, 135
7	Trà Thủy	2	2	793	xã 30a, 135
8	Trà Lâm	2	2	793	xã 30a, 135
9	Trà Hiệp	2	2	793	xã 30a, 135
<b>XIII</b>	<b>Huyện Tây Trà</b>			<b>7.132</b>	
1	Trà Khê	1	2	792	xã 30a, 135
2	Trà Phong	1	2	792	xã 30a, 135
3	Trà Thanh	1	2	792	xã 30a, 135
4	Trà Xinh	1	2	792	xã 30a, 135
5	Trà Trung	1	2	792	xã 30a, 135
6	Trà Nham	1	2	793	xã 30a, 135
7	Trà Lãnh	1	2	793	xã 30a, 135
8	Trà Thọ	1	2	793	xã 30a, 135
9	Trà Quân	1	2	793	xã 30a, 135
<b>XIV</b>	<b>Huyện Lý Sơn</b>			<b>2.377</b>	
1	An Hải	10	2	792	Bãi ngang ven biển
2	An Bình	6	2	792	Bãi ngang ven biển
3	An Vĩnh	10	2	793	Bãi ngang ven biển

**Phu lục 2**

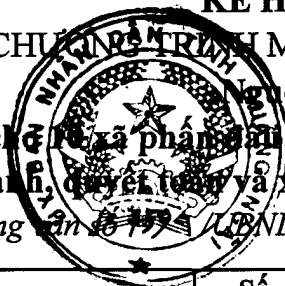
**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2015**

**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

Phân bổ cho 10 xã phấn đấu đạt 19 tiêu chí vào năm 2015, trả nợ công trình hoàn thành, quyết toán và xã Bình Dương tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí

(Kèm theo Công văn số 172/UBND-NNTN ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	TÊN XÃ	Số tiêu chí đạt đến 31/12/2014	Mức vốn phân bổ năm 2015 (triệu đ)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>20.000</b>	
<b>A</b>	<b>Bố trí trả nợ công trình hoàn thành và quyết toán</b>		<b>880</b>	Các xã không có trong danh sách được bố trí vốn KH 2015 nguồn vốn ngân sách tỉnh
<b>I</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>			
1	Đường Bình Đông- Bình Trung, xã Trà Bình		701	Trả nợ công trình hoàn thành
<b>II</b>	<b>Huyện Minh Long</b>			
1	Trường THCS xã Long Sơn		179	Trả nợ công trình đã quyết toán
<b>B</b>	<b>Bố trí cho 11 xã phấn đấu đạt 19 tiêu chí vào năm 2015</b>		<b>19.120</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Quảng Ngãi</b>		<b>1.812</b>	
1	Xã Tịnh Châu	12	1.812	Thiếu 7 TC: GT, TL, Tr.học, CSVCVH, T.nhập, TCCTXH, ANTT; số kinh phí này bao gồm 700 triệu đồng trả nợ công trình xây dựng nông thôn mới đã hoàn thành.
<b>II</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>		<b>2.812</b>	
2	Xã Bình Dương	19	1.000	Đã đạt 19 tiêu chí/ bổ sung hoàn thiện các tiêu chí
3	Xã Bình Thới	15	1.812	Thiếu 4TC: GT, TL, Tr.học, CSVCVH
<b>III</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>		<b>1.812</b>	
4	Xã Tịnh Trà	14	1.812	Thiếu 5 TC: GT, TL, Hộ nghèo, M.trường, TCCTXH
<b>IV</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>		<b>3.624</b>	
5	Xã Nghĩa Lâm	15	1.812	Thiếu 4 TC: GT, CSVCVH, chợ, M.trường
6	Xã Nghĩa Hòa	14	1.812	Thiếu 5TC: GT, TL, CSVCVH, MT, ANTT
<b>V</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>		<b>3.624</b>	
7	Xã Hành Minh	16	1.812	Thiếu 3CT: GT, CSVCVH, Thu nhập
8	Xã Hành Thịnh	13	1.812	Thiếu 6 TC: GT, TL, Tr.học, T.nhập, T tế, ANTT
<b>VI</b>	<b>Huyện Mộ Đức</b>		<b>3.624</b>	
9	Xã Đức Tân	16	1.812	Thiếu 3TC: GT, CSVCVH, thu nhập
10	Xã Đức Nhuận	15	1.812	Thiếu 4TC: GT, T.lợi, Chợ, ANTT
<b>VII</b>	<b>Huyện Đức Phổ</b>		<b>1.812</b>	
11	Xã Phổ Vinh	14	1.812	Thiếu 5TC: GT, Tr.học, CSVCVH, Y tế, TCCTXH